

Số: 270 /TB-UBND

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết luận Hội nghị phân tích, đánh giá các Chỉ số PAR Index, SIPAS, PCI, PAPI năm 2023 và triển khai giải pháp tiếp tục cải thiện các Chỉ số đánh giá tỉnh Khánh Hòa

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại thành phố Nha Trang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chủ trì Hội nghị phân tích, đánh giá các Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 và bàn giải pháp tiếp tục cải thiện các Chỉ số đánh giá tỉnh Khánh Hòa. Tham dự Hội nghị có ông Nguyễn Hải Ninh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy; ông Lê Hữu Hoàng, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng dự còn có các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cùng với 200 đại biểu là lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, lãnh đạo các Sở, ban, ngành, địa phương, lãnh đạo các tổ chức ngành dọc, đơn vị, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh; Thành viên Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh, Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính tỉnh; công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính các Sở, ngành, đơn vị, địa phương; Lãnh đạo VCCI Khánh Hòa, Bưu điện tỉnh, một số doanh nghiệp, hội, hiệp hội cấp tỉnh; Báo Khánh Hòa; Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa và đại diện các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã nghe Lãnh đạo Sở Nội vụ, Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo các chuyên đề phân tích, đánh giá về các chỉ số đánh giá đối với tỉnh năm 2023: (1) Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); (2) Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI); (3) Chỉ số PAR Index, SIPAS tỉnh; (4) Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh và (5) Báo cáo phân tích Chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo, các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, nghiên cứu, trao đổi, thảo luận các giải pháp duy trì và cải thiện các chỉ số trên.

Trên cơ sở các Báo cáo phân tích, đánh giá các Chỉ số tại Hội nghị và ý kiến

tham gia của các đại biểu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận như sau:

1. Kết quả đánh giá, xếp hạng các Chỉ số năm 2023

Qua gần 02 năm triển khai Kết luận số 91-KL/TU ngày 18/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và Chương trình hành động số 12823/CTr-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh triển khai Kết luận số 91-KL/TU, công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là vai trò, trách nhiệm người đứng đầu ngày càng phát huy tốt. Trong năm 2023, các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương đã quyết liệt, thực hiện hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trên nhiều lĩnh vực, trong đó có công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công tình, chất lượng quản trị môi trường, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững.

Các Chỉ số: PAR Index, SIPAS, PAPI và PGI đánh giá tình đều được cải thiện cả về điểm số và thứ hạng so với năm 2022; trong đó 03 Chỉ số (PAR Index, PAPI và PGI) vào nhóm 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu cả nước. Kết quả cụ thể các Chỉ số đánh giá đối với tỉnh năm 2023 như sau:

- Chỉ số PAR Index: Đạt 88,60/100 điểm, tương ứng Chỉ số CCHC đạt 88,60% (cao nhất trong 12 năm đánh giá, đây cũng là lần thứ 5 liên tiếp Chỉ số CCHC của tỉnh tăng so với năm trước liền kề), xếp thứ 14/63 tỉnh, thành phố và xếp thứ 02/14 tỉnh, thành phố thuộc Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

- Chỉ số PAPI: Đạt 44,94/80 điểm, tiếp tục thuộc nhóm đạt điểm “Cao”, xếp vị thứ 08/61 tỉnh, thành phố, xếp thứ 4/14 các tỉnh Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, tăng 1,50 điểm và tăng 08 bậc so với năm 2022. Đây là năm có điểm số và thứ hạng cao nhất trong 13 năm được đánh giá với 7/8 Chỉ số nội dung cao hơn trung bình chung; 6/8 Chỉ số nội dung tăng bậc so với năm 2022.

- Chỉ số PCI: đạt 66,52 điểm xếp thứ 34/63 tỉnh, thành phố, giảm 18 bậc so với năm 2022 (16/63) và không nằm trong top 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất trong PCI năm 2023; xếp thứ 6/12 tỉnh, thành trong khu vực Duyên hải miền Trung. Chỉ số Xanh (PGI) đạt 22,86 điểm, tăng 8,27 điểm và tăng 19 bậc so với năm 2022; xếp thứ 15/63 tỉnh, thành.

- Chỉ số SIPAS: Đạt 81,09%, xếp thứ 43/63 tỉnh, thành phố, tăng 4,37% và tăng 10 bậc so với năm 2022; xếp thứ 9/14 các tỉnh, thành phố Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

- Về Chỉ số mức độ hài lòng của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp

công lập y tế, giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh: Chỉ số hài lòng đối với 09 khối cơ quan cung cấp dịch vụ hành chính công đều tăng với năm 2022; tuy nhiên mức tăng chưa đồng đều và dao động từ 0,7% đến 5,18%, kéo theo khoảng cách chênh lệch giữa khối cơ quan có chỉ số hài lòng cao nhất và thấp nhất đã nới rộng trên 5% (tăng gần gấp đôi so với năm 2022). Biên độ chỉ số hài lòng chung thay đổi từ khoảng 80% - 82% (năm 2022) lên khoảng 82% - 87% (năm 2023). Trong đó, 7/9 khối cơ quan đạt mục tiêu mức độ hài lòng trên 84% theo Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2023 đã đề ra. UBND các huyện, thị xã, thành phố có chỉ số mức độ hài lòng chung đạt cao nhất trong 9 khối hành chính cung cấp dịch vụ công và là khối cơ quan hành chính duy nhất có cả 6 tiêu chí thành phần đạt mục tiêu kế hoạch trên 84%.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, qua kết quả thanh tra, kiểm tra của Trung ương, các cơ quan có thẩm quyền, qua khảo sát sự hài lòng và qua tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp năm 2023 cũng cho thấy, vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục rà soát, khắc phục. Chỉ số PCI và một số tiêu chí, tiêu chí thành phần các Chỉ số khác có mức điểm, chỉ số, kết quả xếp hạng chưa tương xứng với tiềm năng. Chỉ số SIPAS có cải thiện về mặt điểm số và tăng 10 bậc so với năm 2022 song chỉ xếp hạng 43/63 tỉnh, thành trong cả nước. Chỉ số mức độ hài lòng đối với sự phục vụ của 2/9 khối cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh chưa đạt mục tiêu đề ra (*chỉ số hài lòng chung khối cơ quan Thuế và Hải quan chưa đạt 84%*).

2. Để triển khai có hiệu quả các giải pháp góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ công tác năm 2024 và thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tập trung triển khai thực hiện các nội dung sau:

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Nâng cao ý thức trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp, cải tiến công việc ở từng khâu, từng vị trí; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác cán bộ, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ; nâng cao đạo đức, văn hóa, năng lực và tính chuyên nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể tại các văn bản: (1) Văn bản số 5019/UBND-KSTT ngày 14/5/2024 về triển khai các giải pháp góp phần cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI của tỉnh trong năm 2024; (2) Văn bản số 5842/UBND-KSTT ngày 30/5/2024 về tiếp tục triển khai các giải pháp góp phần cải thiện và nâng cao Chỉ

số PAR INDEX, SIPAS của tỉnh trong năm 2024 và tại Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả tham mưu cấp thẩm quyền chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực quản lý; đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024. Tăng cường nghiên cứu, áp dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào mô hình quản lý, giải quyết thủ tục hành chính, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; đa dạng hóa kênh truyền và mở rộng các hình thức hỗ trợ, tư vấn phù hợp cho doanh nghiệp, người dân.

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với nội dung báo cáo và kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 2002/BC-SKHĐT ngày 22/5/2024 (theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 5709/UBND-KSTT ngày 28/5/2024 về việc cải thiện và nâng cao Chỉ số PCI tỉnh Khánh Hòa năm 2024) xây dựng Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024 trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong tháng 6 năm 2024.

- Chủ trì tổ chức tập huấn triển khai Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Khánh Hòa (Chuyên đề 2 tại Kế hoạch số 3371/KH-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh về tổ chức tập huấn công tác cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2024).

c) Báo cáo kết quả thực hiện

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại các Văn bản số 5019/UBND-KSTT, 5842/UBND-KSTT và Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024 về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp) trước ngày 30 tháng 10 năm 2024.

- Giao các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính và Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên rà soát, đánh giá tiến độ, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao chủ trì, kịp thời tổng hợp, báo cáo, xác định rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị không thực hiện, làm ảnh hưởng đến kết quả các Chỉ số năm 2024 của tỉnh.

Sở Nội vụ (chủ trì các Chỉ số: PAR-INDEX, SIPAS, PAPI), Sở Kế hoạch và Đầu tư (chủ trì Chỉ số PCI và PGI) làm đầu mối tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục trước ngày 15 tháng 11 năm 2024.

d) Đề nghị các cơ quan tham mưu Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng, Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đoàn thể, các hội, hiệp hội trong tỉnh, VCCI Khánh Hòa, các cơ quan báo chí tăng cường hỗ trợ, phối hợp chính quyền thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách, pháp luật, phổ biến chủ trương, giải pháp và kết quả cải cách hành chính của tỉnh, góp phần tạo đồng thuận xã hội và được Nhân dân chia sẻ, đồng hành cải cách hành chính cùng chính quyền; nâng cao hơn nữa công tác phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức biết và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý những vấn đề còn vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện.

(Kèm theo Thông báo này các văn bản, tài liệu có liên quan)./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy và các Ban (VBĐT);
- TT. HĐND tỉnh và các Ban (VBĐT);
- TT. UBND tỉnh (VBĐT);
- MTTQVN tỉnh và các đoàn thể (VBĐT);
- Các Sở, ban, ngành (VBĐT);
- Các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh (VBĐT);
- Các ĐVSN trực thuộc UBND tỉnh (VBĐT);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (VBĐT);
- Đài PT-TH và Báo Khánh Hòa (VBĐT);
- Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh (VBĐT);
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT CCHC tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, DL, SNV. 13

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thanh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Ký bởi: Ủy
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH HÒA
Email:
ubnd@khanh
a.gov.vn
Cơ quan: Ủy
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH HÒA

Số: 5709/UBND-KSTT
V/v cải thiện và nâng cao Chỉ số
PCI tỉnh Khánh Hòa năm 2024

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 5 năm 2024

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Xét Báo cáo số 2002/BC-SKHĐT ngày 22/5/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023 tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Các sở, ban, ngành, địa phương nghiên cứu kết quả đánh giá Chỉ số PCI tại website: <https://pcivietnam.vn> và báo cáo, kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản nêu trên; gửi văn bản đóng góp ý kiến nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/5/2024.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nội dung góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương; xây dựng kế hoạch cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh năm 2024. Đồng thời chuẩn bị các nội dung liên quan đến Chỉ số PCI, PGI để báo cáo, phân tích tại hội nghị “Báo cáo kết quả và bàn về giải pháp cải thiện các Chỉ số: PAPI, PCI, PGI, PAR-Index”.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị “Báo cáo kết quả và bàn về giải pháp cải thiện các Chỉ số: PAPI, PCI, PGI, PAR-Index”. Thời gian tổ chức hội nghị trong tháng 6/2024.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện.

(Đính kèm Báo cáo số 2002/BC-SKHĐT ngày 22/5/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)/.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- PCTTT Lê Hữu Hoàng
- LD VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, DL,...b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
GIỮ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ký bởi: Ủy
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH HÒA
Email:
ubnd@khanhho
a.gov.vn
Cơ quan: Ủy
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH HÒA

Số: 5019/UBND-KSTT

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 5 năm 2024

V/v triển khai các giải pháp góp
phần cải thiện và nâng cao Chỉ số
PAPI của tỉnh trong năm 2024

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong;
- Các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Qua xem xét Báo cáo số 1615/BC-SNV ngày 03/5/2024 của Sở Nội vụ về kết quả Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2023 của tỉnh Khánh Hòa. Kết quả cho thấy Chỉ số PAPI năm 2023 của tỉnh Khánh Hòa tiếp tục có chuyển biến rất tích cực, đạt được nhiều kết quả quan trọng và nổi bật như: Chỉ số PAPI đạt 44,94/80 điểm, cao hơn trung bình chung cả nước 2,52 điểm, xếp vị thứ 08/61¹, tăng 1,50 điểm và tăng 08 bậc so với năm 2022, là năm có điểm số và thứ hạng cao nhất trong 13 năm được đánh giá, thuộc nhóm đạt điểm “Cao”. Kết quả so sánh với trung bình chung cả nước và năm 2022 có:

- 07/08 Chỉ số nội dung cao hơn trung bình chung, gồm: (1) “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”; (2) “Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương”; (3) “Trách nhiệm giải trình với người dân”; (4) “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”; (5) “Quản trị môi trường”; (6) “Cung ứng dịch vụ công”; (7) “Quản trị điện tử”. Trong đó 04 Chỉ số nội dung 2, 4, 6, 7 thuộc nhóm đạt điểm “Cao”; Chỉ số nội dung 2 xếp vị trí thứ nhất, tăng 16 bậc so với năm 2022.

- 06/08 Chỉ số nội dung tăng bậc so với năm 2022, trong đó có 05 Chỉ số nội dung tăng điểm, gồm: “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”; “Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương”; “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”; “Cung ứng dịch vụ công”, “Quản trị môi trường”.

- Trong số 28 Chỉ số nội dung thành phần có 22 Chỉ số cao điểm hơn trung bình chung, 18 Chỉ số tăng điểm so với năm 2022. 81/122 Chỉ tiêu thành phần cao hơn trung bình chung; 66/120 Chỉ tiêu thành phần tăng điểm so với năm 2022².

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, sau khi rà soát và phân tích các Chỉ số

¹ Dữ liệu tỉnh Bình Dương và Quảng Ninh bị khuyết do kết quả khảo sát vượt giá trị sai số cho phép trong thống kê
² 02 Chỉ tiêu thành phần mới được khảo sát kể từ năm 2023, gồm: “Tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng công dịch vụ công trực tuyến của địa phương” và “Tỷ lệ người trả lời cho biết đã có thể thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công của địa phương”

nội dung và Chỉ tiêu thành phần PAPI năm 2023 cho thấy vẫn còn một số mặt chưa đạt, đó là:

- 02 Chỉ số nội dung thuộc nhóm đạt điểm “Trung bình thấp”, trong đó: Chỉ số nội dung “Thù tục hành chính công” thấp hơn trung bình chung 0,02 điểm, xếp vị thứ 36/61, giảm 0,16 điểm và 19 bậc so với năm 2022; Chỉ số nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở” xếp vị thứ 34/61.

- 02 Chỉ số nội dung giảm vị thứ so với năm 2022, trong đó Chỉ số “Thù tục hành chính công” giảm 19 bậc, Chỉ số “Quản trị điện tử” giảm 06 bậc.

- 39/122 Chỉ tiêu thành phần thấp hơn trung bình chung và 47/120 Chỉ tiêu thành phần giảm điểm so với năm 2022.

Để phát huy hơn nữa những kết quả đạt được, cải thiện những mặt chưa đạt, từng bước nâng cao điểm số và giữ vững thứ hạng Chỉ số PAPI của tỉnh trong năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương (ghi tắt là các cơ quan, đơn vị) triển khai một số nội dung như sau:

1. Đối với các cơ quan, đơn vị

a) Thực hiện nghiêm các nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI, đặc biệt là Văn bản số 81/UBND-KSTT ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai các giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

b) Phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ khung nhiệm vụ cải thiện và nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh, tiếp tục coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

c) Tăng cường phổ biến, quán triệt nâng cao nhận thức cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai thực hiện Chỉ số PAPI.

d) Trên cơ sở Báo cáo kết quả Chỉ số PAPI tỉnh Khánh Hòa năm 2023, các cơ quan được giao nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn việc triển khai các nhiệm vụ cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI (*theo phụ lục đính kèm*) khẩn trương rà soát, đánh giá lại các Chỉ số nội dung, Chỉ số nội dung thành phần, Chỉ tiêu thành phần có kết quả khảo sát thấp hơn trung bình chung cả nước, giảm điểm so với năm 2022, từ đó đề xuất giải pháp cải thiện và nâng cao kết quả trong thời gian tới; báo cáo kết quả rà soát gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ*) trước ngày 07 tháng 6 năm 2024.

2. Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 nêu trên, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố còn phải triển khai thực hiện một số công việc như sau:

a) Tuyên truyền, phổ biến các nội dung về Chỉ số PAPI đến người dân.

Quán triệt và thực hiện tốt chủ trương “*Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” đối với các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Quán triệt, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI.

- Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách pháp luật liên quan đến đời sống của người dân.

- Kịp thời công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các thông tin về thu hồi đất, giá đất, các chủ trương, chính sách, pháp luật về đất đai; công khai các khoản thu, chi ngân sách cấp xã, danh sách hộ nghèo, công tác bảo vệ môi trường, nguồn nước để người dân biết và giám sát,...; thực hiện xét duyệt danh sách hộ nghèo đảm bảo chặt chẽ, đúng quy trình, thủ tục, đúng đối tượng.

- Giải quyết kịp thời, đúng quy định đối với các nội dung kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào toàn dân xây dựng nông thôn mới, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Đối với Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa: Tiếp tục đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về quá trình triển khai, kết quả Chỉ số PAPI của tỉnh để Nhân dân biết, giám sát. Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa định kỳ lồng ghép phát sóng chuyên mục thực hiện các nội dung Chỉ số PAPI với chuyên mục cải cách hành chính.

4. Giao Sở Nội vụ theo dõi kết quả triển khai các giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI của các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý các vấn đề khó khăn, vướng mắc (nếu có).

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Khánh Hòa

a) Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương phối hợp tuyên truyền và thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện Chỉ số PAPI ở địa phương; thực hiện các giải pháp góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022; nâng cao hiệu quả công tác giám sát, phản biện.

6. Đề nghị Ban Dân vận Tỉnh ủy Khánh Hòa chỉ đạo các tổ chức chính trị ở cơ sở tham gia tích cực và có trách nhiệm vào việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm thực hiện đầy đủ, thực chất phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nội dung công việc được đề ra tại Văn bản này./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (VBĐT);
- TT. UBND tỉnh (VBĐT);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (VBĐT);
- VPTU, các ban Đảng, các Ban HĐND (VBĐT);
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh (VBĐT);
- Đài PT-TH Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa (VBĐT);
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT CCHC tỉnh (VBĐT);
- LĐ VPUBND tỉnh (VBĐT);
- Lưu: VT, SNV, DL,...b. 22

**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tấn Tuân

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ CHỈ SỐ PAPI NĂM 2023 CỦA TỈNH KHÁNH HÒA
(Ban hành kèm theo Văn bản số 50/QUBND-KSTT ngày 11/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chỉ số tổng hợp/Chỉ số nội dung/Chỉ số nội dung thành phần/ Chỉ tiêu thành phần	Thang điểm/ tỷ lệ	Năm 2023	So với TB cả nước	So với năm 2022	Cơ quan theo dõi, hướng dẫn
Chỉ số tổng hợp PAPI	80 điểm	44,94	+2,52	+1,50	Sở Nội vụ
1. Chỉ số nội dung 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	1-10 điểm	4,90	+0,02	+0,40	
1.1. Chỉ số nội dung thành phần: Tri thức công dân	0,25-2,5 điểm	1,08	+0,07	+0,03	Sở Thông tin và Truyền thông
Hiểu biết về chính sách hiện hành	0%-100%	72,31%	+14,45%	+7,43%	
Hiểu biết về vị trí lãnh đạo	0%-100%	37,96%	-0,38%	-0,38%	
1.2. Cơ hội tham gia	0,25-2,5 điểm	1,31	-0,12	+0,02	Sở Nội vụ
Tham gia vào các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, đoàn thể	0%-100%	35,10%	-10,20%	-13,04%	
Tham gia vào các tổ chức xã hội, hội, nhóm, câu lạc bộ tự lập	0%-100%	12,57%	-2,76%	+4,03%	
Tỷ lệ người trả lời đã tham gia bầu cử đại biểu HĐND lần gần đây nhất	0%-100%	67,86%	+2,56%	+10,15%	
Tỷ lệ người trả lời đã tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội lần gần đây nhất	0%-100%	64,03%	+1,99%	+4,78%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết trường thôn/tổ trường tổ dân phố là do dân bầu	0%-100%	83,56%	+0,58%	-1,05%	
Tỷ lệ người trả lời trực tiếp bầu trường thôn/tổ trường tổ dân phố	0%-100%	73,27%	+5,03%	+17,06%	
1.3. Chất lượng bầu cử	0,25-2,5 điểm	1,41	-0,03	-0,03	Sở Nội vụ
Tỷ lệ người trả lời cho biết có từ hai ứng cử viên trở lên để dân bầu trường thôn/tổ trường tổ dân phố	0%-100%	37,36%	-6,32%	+0,16%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết gia đình được mời đi bầu trường thôn/tổ trường tổ dân phố	0%-100%	41,27%	-9,66%	-5,66%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết hình thức bầu trường thôn/tổ trường tổ dân phố là bỏ phiếu kín	0%-100%	89,30%	+7,72%	+2,69%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết kết quả bầu cử trường thôn/tổ trường tổ dân phố được niêm yết công khai	0%-100%	61,15%	-9,33%	+9,66%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền không gợi ý bầu cho một ứng viên cụ thể	0%-100%	37,79%	-4,98%	+11,83%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã bầu cho người đã trúng cử	0%-100%	89,30%	-0,95%	+1,25%	
1.4. Đóng góp tự nguyện	0,25-2,5 điểm	1,09	+0,09	+0,37	Sở Tài chính
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã đóng góp tự nguyện cho một công trình công cộng ở xã/phường nơi sinh sống	0%-100%	43,85%	+2,36%	+16,05%	

Chỉ số tổng hợp/Chỉ số nội dung/Chỉ số nội dung thành phần/ Chỉ tiêu thành phần	Thang điểm/ tỷ lệ	Năm 2023	So với TB cả nước	So với năm 2022	Cơ quan theo dõi, hướng dẫn
Tỷ lệ người trả lời cho biết Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng giám sát việc xây mới/tu sửa công trình	0%-100%	39,59%	+8,17%	+17,22%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết đóng góp của họ được ghi chép vào sổ sách của xã/phường	0%-100%	61,46%	-0,82%	+18,81%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã tham gia vào việc quyết định xây mới/tu sửa công trình công cộng ở xã/phường	0%-100%	49,17%	+6,05%	+17,70%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết có tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thiết kế để xây mới/tu sửa công trình	0%-100%	32,74%	+5,25%	+21,72%	
2. Chỉ số nội dung 2: Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương	1-10 điểm	5,88	+0,76	+0,38	
2.1. Tiếp cận thông tin	0,25-2,5 điểm	0,95	+0,09	+0,03	Sở Thông tin và Truyền thông
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã tìm kiếm thông tin về chính sách, pháp luật từ chính quyền địa phương	0%-100%	23,65%	+6,35%	+3,17%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã nhận được thông tin chính sách, pháp luật từ chính quyền địa phương	0%-100%	21,20%	+6,15%	+3,55%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết thông tin chính sách, pháp luật nhận được là hữu ích	0%-100%	21,94%	+6,14%	+2,11%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết thông tin về chính sách, pháp luật từ cơ quan chính quyền là đáng tin cậy	0%-100%	20,48%	+4,90%	+1,27%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải trả chi phí không chính thức mới lấy được thông tin từ chính quyền địa phương	0%-100%	100,00%	+2,26%	0,00%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải chờ đợi quá lâu mới lấy được thông tin từ chính quyền địa phương	0%-100%	99,51%	-0,19%	+1,37%	
2.2. Công khai danh sách hộ nghèo	0,25-2,5 điểm	1,90	+0,27	+0,28	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
Tỷ lệ người trả lời cho biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua	0%-100%	58,00%	+0,60%	-0,43%	
Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người trả lời cho là đúng)	0%-100%	21,00%	+18,45%	+21,69%	
Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người trả lời cho là đúng)	0%-100%	18,00%	+16,93%	+17,67%	
2.3. Công khai thu, chi ngân sách cấp xã/phường/thị trấn	0,25-2,5 điểm	1,51	+0,20	-0,03	Sở Tài chính
Thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai	0%-100%	47,35%	+8,74%	-1,47%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách	0%-100%	30,12%	+9,48%	-3,40%	

Chỉ số tổng hợp/Chỉ số nội dung/Chỉ số nội dung thành phần/ Chỉ tiêu thành phần	Thang điểm/ tỷ lệ	Năm 2023	So với TB cả nước	So với năm 2022	Cơ quan theo dõi, hướng dẫn
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ tin vào tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố	0%-100%	89,16%	+9,52%	+3,45%	
2.4. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá bồi thường thu hồi đất	0,25-2,5 điểm	1,51	+0,19	+0,09	Sở Tài nguyên và Môi trường
Tỷ lệ người trả lời được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của địa phương	0%-100%	22,59%	+6,39%	-3,33%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ có dịp góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương	0%-100%	4,92%	+0,40%	+1,79%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương đã tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	0%-100%	100,00 %	+10,23%	0,00%	
Ảnh hưởng của kế hoạch/quy hoạch sử dụng đất tới hộ gia đình (1=Không có ảnh hưởng gì, 2= Bất lợi; 3=Có lợi)	1-3 điểm	2,22	-0,03	-0,14	
Tỷ lệ người trả lời cho biết hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây	0%-100%	83,54%	+2,79%	-5,52%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường	0%-100%	57,92%	+24,45%	+34,58%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất mới	0%-100%	75,78%	-4,77%	-24,22%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu	0%-100%	74,38%	-14,52%	-25,62%	
Tỷ lệ người trả lời biết nơi cung cấp thông tin bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương	0%-100%	61,93%	+16,40%	+3,86%	
3. Chỉ số nội dung 3: Trách nhiệm giải trình với người dân	1-10 điểm	4,32	+0,08	-0,12	
3.1. Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền	0,33-3,33 điểm	2,04	+0,09	-0,07	Thanh tra tỉnh
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ với trường thôn/tổ trường tổ dân phố để giải quyết khúc mắc	0%-100%	29,39%	+5,87%	-8,79%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với trường thôn/tổ trường tổ dân phố để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt	0%-100%	93,36%	+2,24%	-0,08%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ UBND xã/phường/thị trấn để giải quyết khúc mắc	0%-100%	18,40%	+2,52%	-5,09%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cán bộ UBND xã/phường/thị trấn để giải	0%-100%	88,06%	-2,17%	-7,93%	

Chỉ số tổng hợp/Chỉ số nội dung/Chỉ số nội dung thành phần/ Chỉ tiêu thành phần	Thang điểm/ tỷ lệ	Năm 2023	So với TB cả nước	So với năm 2022	Cơ quan theo dõi, hướng dẫn
quyết khúc mắc có kết quả tốt					
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ đoàn thể để giải quyết khúc mắc	0%-100%	10,06%	+0,85%	-0,29%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cán bộ đoàn thể để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt	0%-100%	100,00 %	+4,84%	+3,13%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ HĐND xã/phường/thị trấn để giải quyết khúc mắc	0%-100%	3,93%	+0,10%	-2,64%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cán bộ HĐND xã/phường/thị trấn để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt	0%-100%	100,00%	+9,12%	0,00%	
3.2. Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân	0,33-3,33 điểm	0,45	-0,02	+0,02	Thanh tra tỉnh
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã gửi khuyến nghị, tố giác, tố cáo, khiếu nại tới chính quyền địa phương	0%-100%	17,45%	-2,82%	+3,09%	
Tỷ lệ người trả lời đã gửi khuyến nghị, tố giác, tố cáo, khiếu nại cho biết đã được chính quyền phúc đáp thỏa đáng	0%-100%	15,00%	-2,82%	+2,53%	
3.3. Tiếp cận dịch vụ tư pháp	0,33-3,33 điểm	1,83	+0,01	-0,07	Sở Tư pháp
Tỷ lệ người trả lời tin vào tòa án và các cơ quan tư pháp địa phương	0%-100%	86,84%	+0,09%	-0,66%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết sẽ sử dụng tòa án địa phương khi có tranh chấp dân sự	0%-100%	75,33%	+0,94%	-7,19%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết sẽ sử dụng các biện pháp phi tòa án khi có tranh chấp dân sự	0%-100%	10,75%	-0,36%	+1,99%	
4. Chỉ số nội dung 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	1-10 điểm	7,37	+0,58	+0,43	
4.1. Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương	0,25-2,5 điểm	1,92	+0,24	+0,3	Thanh tra tỉnh
Tỷ lệ người trả lời cho biết cán bộ chính quyền KHÔNG dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng	0%-100%	76,69%	+8,81%	+14,19%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền để được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0%-100%	77,56%	+17,25%	+17,57%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng	0%-100%	69,02%	+6,54%	+8,81%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền cho cán bộ khi làm chứng thực, xác nhận	0%-100%	19,30%	-5,70%	-8,37%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền khi làm thủ tục hành chính ở UBND cấp xã	0%-100%	17,41%	-2,89%	-3,82%	

Chỉ số tổng hợp/Chỉ số nội dung/Chỉ số nội dung thành phần/ Chỉ tiêu thành phần	Thang điểm/ tỷ lệ	Năm 2023	So với TB cả nước	So với năm 2022	Cơ quan theo dõi, hướng dẫn
4.2. Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	0,25-2,5 điểm	2,16	+0,13	+0,16	
Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền để được quan tâm hơn khi đi khám chữa bệnh	0%-100%	79,82%	+12,11%	+9,21%	Sở Y tế
Tỷ lệ người trả lời cho biết phụ huynh học sinh tiểu học KHÔNG phải chi thêm tiền để con em được quan tâm hơn	0%-100%	79,10%	+6,24%	+15,42%	Sở Giáo dục và Đào tạo
4.3. Công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công	0,25-2,5 điểm	1,40	+0,2	+0,11	Sở Nội vụ
Tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải đưa tiền “lót tay” để xin được việc làm trong cơ quan nhà nước	0%-100%	66,53%	+14,28%	+16,02%	
Mỗi quan hệ cá nhân với người có chức quyền là không quan trọng khi xin vào làm 1 trong số 5 vị trí được hỏi (0=rất quan trọng; 5=không quan trọng chút nào)	0-5 điểm	1,79	+1,27	-0,29	
4.4. Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương	0,25-2,5 điểm	1,89	+0,01	-0,14	Thanh tra tỉnh
Tỷ lệ người dân cho biết KHÔNG bị vòi vĩnh đòi hối lộ trong 12 tháng vừa qua	0%-100%	95,35%	-1,36%	-4,03%	
Tỷ lệ người dân cho biết chính quyền tỉnh/thành phố đã xử lý nghiêm túc vụ việc tham nhũng ở địa phương	0%-100%	57,18%	+11,67%	+0,63%	
Mức tiền đòi hối lộ người dân bắt đầu tố cáo (đơn vị 1.000 VNĐ)	0-150.000VNĐ	30.753	- 1.437	+3.002	
Người bị vòi vĩnh đã tố cáo hành vi đòi hối lộ	0%-100%	15,91%	+8,42%	+15,91%	
Tỷ lệ người làm thủ tục sổ đỏ đã phải “chung chi”	0%-100%	30,37%	-12,85%	-2,88%	
Tỷ lệ người dân (có người thân hoặc bản thân) đi điều trị ở bệnh viện tuyến huyện/quận đã phải “chung chi”	0%-100%	47,44%	-2,26%	12,09%	
5. Chỉ số nội dung 5: Thủ tục hành chính công	1-10 điểm	7,18	-0,02	-0,16	
5.1. Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền	0,33-3,33 điểm	2,409	-0,001	-0,011	Sở Tư pháp
Tỷ lệ người dân đã làm thủ tục lấy chứng thực, xác nhận của chính quyền	0%-100%	22,80%	-5,17%	-5,05%	
Tổng chất lượng dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền (4 tiêu chí)	0-4 điểm	3,90	+0,10	+0,01	
Mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được (5 điểm)	1-5 điểm	4,31	+0,12	+0,13	
5.2. Thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0,33-3,33 điểm	2,36	+0,02	-0,1	Sở Tài nguyên và Môi trường
Tỷ lệ người dân cho biết hộ gia đình đã xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0%-100%	16,63%	+3,02%	+3,16%	
Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết không phải đi qua nhiều “cửa” để làm xong các thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất	0%-100%	90,83%	+7,84%	-9,17%	
Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết đã nhận được kết quả liên quan đến giấy CNQSD	0%-100%	78,02%	-5,79%	-5,78%	

Chỉ số tổng hợp/Chỉ số nội dung/Chỉ số nội dung thành phần/ Chỉ tiêu thành phần	Thang điểm/ tỷ lệ	Năm 2023	So với TB cả nước	So với năm 2022	Cơ quan theo dõi, hướng dẫn
đất					
Tổng chất lượng dịch vụ hành chính về thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (4 tiêu chí)	0-4 điểm	3,34	-0,10	-0,15	
Mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được (5 điểm)	1-5 điểm	3,91	+0,06	+0,06	
5.3. Dịch vụ hành chính cấp xã/phường/thị trấn	0,33-3,33 điểm	2,40	-0,05	-0,06	Văn phòng UBND tỉnh
Tỷ lệ người dân cho biết hộ gia đình/bản thân đã làm thủ tục hành chính ở UBND xã/phường/thị trấn	0%-100%	19,84%	-2,58%	-2,30%	
Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết không phải đi qua nhiều “cửa” để làm xong thủ tục	0%-100%	94,00%	-1,55%	-1,24%	
Tổng chất lượng dịch vụ hành chính của UBND xã/phường/thị trấn (4 tiêu chí)	0-4 điểm	3,23	-0,25	-0,32	
Mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được (5 điểm)	1-5 điểm	4,30	+0,15	+0,08	
6. Chỉ số nội dung 6: Cung ứng dịch vụ công	1-10 điểm	8,08	+0,56	+0,27	
6.1. Y tế công lập	0,25-2,5 điểm	1,97	+0,06	+0,12	
Tỷ lệ người được hỏi có bảo hiểm y tế	0%-100%	97,78%	+6,54%	+6,51%	Bảo hiểm xã hội tỉnh
Tác dụng của thẻ bảo hiểm y tế (1=Không có tác dụng, 4=Có tác dụng rất tốt)	0-4 điểm	3,64	+0,08	+0,05	
Dịch vụ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi (1=Rất kém; 5=Rất tốt)	0-5 điểm	4,14	-0,05	-0,24	Sở Y tế
Tỷ lệ người được hỏi cho biết người nghèo được hỗ trợ để mua bảo hiểm y tế	0%-100%	76,40%	+3,16%	+7,95%	Bảo hiểm xã hội tỉnh
Tỷ lệ người được hỏi cho biết trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh	0%-100%	72,79%	+1,41%	+2,75%	Bảo hiểm xã hội tỉnh
Tổng chất lượng bệnh viện tuyến cấp huyện (10 tiêu chí)	1-10 điểm	4,47	0,00	+1,46	Sở Y tế
6.2. Giáo dục tiểu học công lập	0,25-2,5 điểm	2,02	+0,33	+0,03	Sở Giáo dục và Đào tạo
Quãng đường đi bộ tới trường (KM - theo giá trị trung vị)	Tối thiểu-Tối đa	1,00	0,00	0,00	
Quãng thời gian tới trường (PHÚT - theo giá trị trung vị)	Tối thiểu-Tối đa	5,00	+2,00	0,00	
Nhận xét về chất lượng dạy học của trường tiểu học công lập (1=Rất kém; 5=Rất tốt)	0-5 điểm	4,33	+0,18	+0,12	
Tổng chất lượng trường tiểu học tại địa bàn xã/phường/thị trấn (8 tiêu chí)	0-8 điểm	5,16	+0,39	+0,19	
6.3. Cơ sở hạ tầng căn bản	0,25-2,5 điểm	2,14	+0,15	+0,09	
Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình đã dùng điện lưới	0%-100%	100,00 %	+0,97%	+0,32%	Sở Công Thương
Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình không bị cắt/cúp điện trong 12 tháng qua	0%-100%	36,53%	+6,79%	-5,01%	
Loại đường giao thông gần hộ gia đình nhất (1=Đường đất; 4=Đường trải nhựa)	1-4 điểm	3,17	-0,14	0,00	Sở Giao thông vận tải

Chỉ số tổng hợp/Chỉ số nội dung/Chỉ số nội dung thành phần/ Chỉ tiêu thành phần	Thang điểm/ tỷ lệ	Năm 2023	So với TB cả nước	So với năm 2022	Cơ quan theo dõi, hướng dẫn
Mức độ thường xuyên của dịch vụ thu gom rác thải của chính quyền địa phương (0=Không có; 4=Hàng ngày)	0-4 điểm	3,32	+0,69	+0,41	Sở Xây dựng
Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình mình dùng nước máy là nguồn nước ăn uống chính (5=Trạm cấp nước tập trung; 6=nước máy về tận nhà)	0%-100%	84,43%	+27,46%	+7,35%	Sở Xây dựng
Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình mình dùng nước chưa hợp vệ sinh (1=Nước mưa; 2=Nước sông/hồ/suối)	0%-100%	0,00%	-4,47%	0,00%	
6.4. An ninh, trật tự khu dân cư	0,25-2,5 điểm	1,95	+0,03	+0,03	Công an tỉnh
Mức độ an toàn, trật tự ở địa bàn đang sinh sống (1=Rất không an toàn; 3=Rất an toàn)	1-3 điểm	2,31	+0,03	+0,03	
Tỷ lệ người được hỏi cho biết có thay đổi về mức độ an ninh theo hướng tốt lên sau 3 năm	0%-100%	13,69%	+2,06%	+9,50%	
Tỷ lệ người được hỏi cho biết là nạn nhân của một trong 4 loại tội phạm về an ninh, trật tự	0%-100%	6,43%	-1,26%	-7,93%	
Cảm thấy an toàn khi đi bộ một mình vào ban ngày (3=rất an toàn)	1-3 điểm	2,36	+0,04	+0,03	
Cảm thấy an toàn khi đi bộ một mình vào ban đêm (3=rất an toàn)	1-3 điểm	2,17	+0,13	+0,09	
7. Chỉ số nội dung 7: Quản trị môi trường	1-10 điểm	3,74	+0,24	+0,31	
7.1. Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường	0,33-3,33 điểm	1,19	+0,19	+0,20	Sở Tài nguyên và Môi trường
Tỷ lệ người trả lời cho biết doanh nghiệp tại địa phương KHÔNG đưa hối lộ để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường	0%-100%	70,23%	+13,47%	+16,27%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết bảo vệ môi trường cần được ưu tiên hơn phát triển kinh tế bằng mọi giá	0%-100%	71,40%	+14,99%	+7,20%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã báo cáo và yêu cầu xử lý sự cố/vấn đề môi trường ở địa phương	0%-100%	89,47%	+7,67%	-1,08%	
Cơ quan chức năng của chính quyền địa phương đã giải quyết sự cố/vấn đề môi trường được thông báo	0%-100%	54,05%	-14,25%	-5,80%	
7.2. Chất lượng không khí	0,33-3,33 điểm	2,08	+0,16	+0,10	Sở Xây dựng
Tỷ lệ người trả lời cho biết không phải đeo khẩu trang để tránh ô nhiễm không khí khi đi lại ở địa bàn nơi cư trú	0%-100%	24,57%	+0,80%	+1,40%	
Tỷ lệ người trả lời đánh giá chất lượng không khí nơi cư trú đủ tốt	0%-100%	96,09%	+6,92%	+1,99%	
Tỷ lệ người trả lời cho rằng chất lượng không khí ở địa phương tốt hơn 3 năm trước	0%-100%	53,88%	+7,93%	+6,47%	

Chỉ số tổng hợp/Chỉ số nội dung/Chỉ số nội dung thành phần/ Chỉ tiêu thành phần	Thang điểm/ tỷ lệ	Năm 2023	So với TB cả nước	So với năm 2022	Cơ quan theo dõi, hướng dẫn
7.3. Chất lượng nước	0,33-3,33 điểm	0,47	-0,11	0,02	Sở Xây dựng
Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để uống	0%-100%	1,94%	-0,68%	+1,00%	
Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để giặt giũ	0%-100%	4,39%	-5,27%	-0,27%	
Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để bơi lội	0%-100%	7,58%	-4,93%	+1,06%	
8. Chỉ số nội dung 8: Quản trị điện tử	1-10 điểm	3,48	+0,30	0,00	
8.1. Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương	0,33-3,33 điểm	0,48	0,00	+0,03	Sở Thông tin và Truyền thông
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm chứng thực, xác nhận	0%-100%	4,46%	-0,86%	-0,23%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0%-100%	2,45%	+0,37%	-0,70%	
8.2. Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương	0,33-3,33 điểm	2,53	+0,24	-0,03	Sở Thông tin và Truyền thông
Tỷ lệ người trả lời tiếp cận tin tức trong nước qua Internet	0%-100%	64,45%	+8,17%	-5,09%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết có kết nối Internet tại nhà	0%-100%	83,46%	+7,66%	+3,01%	
8.3. Phục vụ của chính quyền qua cổng thông tin điện tử	0,33-3,33 điểm	0,47	+0,06	0,00	Sở Thông tin và Truyền thông
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến ở địa phương khi làm thủ tục hành chính do cấp xã/phường/thị trấn thực hiện	0%-100%	4,67%	+1,98%	-0,02%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố dễ sử dụng cho tra cứu thông tin	0%-100%	32,04%	+5,86%	+5,10%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương có đăng tải dự thảo chính sách, pháp luật lên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến Nhân dân	0%-100%	58,19%	+5,75%	+0,03%	
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến của địa phương ¹	0%-100%	8,14%	+0,65%		
Tỷ lệ người trả lời cho biết đã có thể thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công của địa phương ²	0%-100%	27,75%	-15,33%		

¹ Khảo sát kể từ năm 2023

² Khảo sát kể từ năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Ký bởi: Ủy
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH HÒA
Email:
ubnd@khanh
a.gov.vn
Cơ quan: Ủy
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH HÒA

Số: 5842/UBND-KSTT

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 5 năm 2024

V/v tiếp tục triển khai các giải pháp
góp phần cải thiện và nâng cao Chỉ
số PAR INDEX, SIPAS của tỉnh
trong năm 2024

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong;
- Các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-BNV ngày 10/4/2024 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính (Chỉ số PAR INDEX) năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Đồng thời, qua xem xét Báo cáo số 1924/BC-SNV ngày 24/5/2024 của Sở Nội vụ về kết quả Chỉ số PAR INDEX tỉnh Khánh Hòa năm 2023 do Bộ Nội vụ công bố, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, tuyên truyền kết quả Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS năm 2023 của tỉnh trên cơ sở nghiên cứu Báo cáo số 1924/BC-SNV ngày 24/5/2024 của Sở Nội vụ, trong đó tập trung thông tin trọng tâm sau:

- Chỉ số PAR INDEX năm 2023 của tỉnh đạt 88,60/100 điểm, tương ứng Chỉ số đạt 88,60% (cao nhất trong 12 năm đánh giá và đây là lần thứ 5 liên tiếp Chỉ số PAR INDEX của tỉnh tăng so với năm trước liền kề), xếp vị thứ 14/63 tỉnh, thành phố và xếp thứ 2/14 địa phương thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (sau thành phố Đà Nẵng xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố). Trong đó, kết quả tự đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh được Hội đồng thẩm định Trung ương ghi nhận khá tích cực, đạt 57,51/61,50 điểm, tương ứng 93,52%, tăng 3,00% so với năm 2022, xếp vị thứ 10/63 tỉnh, thành phố, tăng 03 bậc so với năm 2022, tiếp tục duy trì vị trí ổn định trong nhóm các địa phương có chỉ số điểm thẩm định cao (trên 90%).

- Chỉ số SIPAS: đạt 81,09%, thấp hơn trung bình chung các tỉnh 1,57%, xếp

vị thứ 43/63; tăng 4,37% và tăng 11 bậc so với năm 2022; xếp thứ 9/14 các tỉnh Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ (sau Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Bình Định, Đà Nẵng, Quảng Bình, Ninh Thuận, Thừa Thiên Huế).

2. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn những hạn chế cần rà soát, khắc phục. Một số tiêu chí, tiêu chí thành phần có mức điểm, chỉ số, kết quả xếp hạng chưa tương xứng với tiềm năng. Chỉ số SIPAS chưa cải thiện nhiều về điểm số và thứ bậc xếp hạng.

(Chi tiết tại Báo cáo số 1924/BC-SNV ngày 24/5/2024 của Sở Nội vụ)

3. Để triển khai có hiệu quả các giải pháp, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ công tác năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

a) Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 91-KL/TU ngày 18/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và Chương trình hành động số 12823/CTr-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về triển khai Kết luận số 91-KL/TU, đặc biệt trong việc đề cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tinh năng động, tiên phong; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác CCHC.

Đề cao trách nhiệm người đứng đầu, phát huy dân chủ trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền và địa phương; đổi mới phương pháp, lề lối làm việc theo hướng chuyên nghiệp. Nghiên cứu, hướng dẫn triển khai Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền; tạo động lực cho cán bộ phát huy năng lực sáng tạo, cống hiến.

- Chủ động, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị; bảo đảm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra trong kế hoạch năm 2024; thường xuyên theo dõi, đánh giá, quán triệt việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC để kịp thời phát hiện và chỉ đạo xử lý những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai và phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị. Quan tâm bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC, đặc biệt trong công tác chuyển đổi số; chủ động nghiên cứu, thí điểm hoặc nhân rộng các mô hình cải cách mới có hiệu quả, phù hợp với phạm vi, thẩm quyền được giao và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHC.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, phương án, đề ra giải pháp thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình công tác, các nhiệm vụ tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh trong năm 2024. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương, đề xuất, báo cáo cấp thẩm quyền kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực thi các quy định, chế độ, chính sách ngành, địa phương; tạo sự đồng bộ, thống nhất trong quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường rà soát, tham mưu cắt giảm và đơn giản hóa TTHC một cách hiệu quả, thực chất. Kịp thời tham mưu công bố theo thẩm quyền, công khai và cập nhật TTHC trên Cổng dịch công quốc gia và của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và tại nơi tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC. Khắc phục ngay tình trạng niêm yết, đăng tải công khai các mẫu đơn, tờ khai hoặc các quy định TTHC đã hết hiệu lực thi hành, gây khó khăn cho người dân, tổ chức khi tra cứu và thực hiện TTHC. Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, tiếp tục giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, phấn đấu 100% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn, giảm thời gian đi lại góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, yêu cầu người dân, tổ chức nộp thêm các giấy tờ ngoài quy định khi giải quyết TTHC.

- Tiếp tục đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tích cực để nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất, tham mưu sắp xếp lại tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục tham mưu phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở cho công tác bổ nhiệm, nâng ngạch, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo mục tiêu Chính phủ đề ra trong năm 2024.

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã còn chưa đạt chuẩn theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương rà soát từng trường hợp cụ thể, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để trong thời gian sớm nhất hoàn thành việc đạt chuẩn của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Đồng thời, nghiên cứu kiện toàn bố trí các chức vụ cán bộ cấp xã, chức danh công chức cấp xã đáp ứng trình độ chuyên môn và giải quyết chính sách tinh giản đối với các trường hợp cán bộ, công chức cấp xã không thể trả nợ chuẩn theo quy định.

- Nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tập trung hoàn thành việc xây dựng Hệ thống thông tin Khu dân cư điện tử; gắn kết hoạt động chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số với công tác CCHC; hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Khánh Hòa; thực hiện lưu trữ hồ sơ TTHC điện tử và lưu trữ tài liệu điện tử.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm tiến độ theo kế hoạch đã phê duyệt. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh, xử lý những trường hợp sai phạm trong quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Đa dạng hóa các hình thức tiếp nhận, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện phản ánh, kiến nghị. Rà soát, chủ động xử lý dứt điểm các đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực phụ trách trên Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội của tỉnh với tinh thần cầu thị, tiếp thu những phản ánh, góp ý để nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Đảm bảo 100% đề xuất, kiến nghị được xử lý trước ngày 31/12 hàng năm.

Định kỳ hàng tháng, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đầu mỗi tổng hợp, theo dõi tình hình xử lý đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp), Sở Thông tin và Truyền thông (đầu mỗi tổng hợp, theo dõi tình hình xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội của tỉnh), Văn phòng UBND tỉnh (đầu mỗi tổng hợp, theo dõi tình hình xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công Quốc gia) tổng hợp, báo cáo tình hình xử lý phản ánh, đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp theo phạm vi được phân công, báo cáo UBND tỉnh tại cuộc họp thường kỳ hàng tháng, đồng thời gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong đó, tổng hợp các nội dung phản ánh có tính chất chung, lập lại để cơ quan, đơn vị, địa phương được biết và có giải pháp khắc phục, chấn chỉnh.

- Rà soát các vấn đề đã được chỉ ra tại Báo cáo SIPAS 2023 của Bộ Nội vụ, đặc biệt là những mong đợi của người dân, tổ chức đối với công tác CCHC của tỉnh để xây dựng và tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ; bảo đảm mức độ sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị mình đạt mục tiêu đã xác định trong Kế hoạch CCHC của tỉnh năm 2024 là trên 87%.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về kết quả CCHC của tỉnh tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp để giúp họ nâng cao nhận thức, tăng sự tin tưởng và đưa ra những đánh giá, ghi nhận chính xác những nỗ lực của tỉnh trong công tác CCHC tỉnh.

b) Giao Văn phòng UBND tỉnh:

- Tham mưu UBND tỉnh tổng hợp, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện và cấp xã. Kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc chậm thực hiện công bố, công khai TTHC; kết quả giải quyết TTHC chưa đúng quy định, việc giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn,...

c) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Có trách nhiệm đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ đã phân công tại Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước được ban hành kèm theo Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh, góp phần tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi để khơi thông các nguồn lực cho phát triển, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó trọng tâm:

+ Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024. Tăng mức độ thu hút đầu tư của tỉnh năm sau cao hơn năm trước.

+ Triển khai các giải pháp để tăng tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới; tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); hoàn thành đạt và vượt 100% chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao.

d) Giao Sở Tài chính:

- Rà soát, nâng mức độ tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập để có thêm số đơn vị đạt tiêu chí theo quy định. Bảo đảm thực hiện đúng quy định cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, trong năm không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách và báo cáo kết quả xử lý theo quy định.

đ) Giao Sở Thông tin và Truyền thông:

- Tiếp tục theo dõi, đảm bảo duy trì Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tinh hoạt động ổn định, thông suốt. Xử lý, khắc phục kịp thời các yếu tố kỹ thuật ảnh hưởng đến việc đồng bộ hồ sơ thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tinh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh triển khai các giải pháp kỹ thuật, đảm bảo Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính mới khi triển khai đưa vào sử dụng đáp ứng các yêu cầu đồng bộ, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của tỉnh.

- Nghiên cứu, triển khai chuyển đổi và áp dụng mô hình Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo quy định trên cơ sở các dự án, nhiệm vụ được giao liên quan đến hoạt động Trung tâm dữ liệu tỉnh.

- Tiếp tục tham mưu triển khai hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã được xác định tại Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh, góp phần đổi mới phương thức phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp.

e) Giao Sở Nội vụ:

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chấn chỉnh, xử lý kịp thời các vi phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và nâng chuẩn đối với cán bộ công chức cấp xã ở khu vực miền núi vùng cao, hải đảo.

g) Giao các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính và Văn phòng UBND tỉnh:

Trên cơ sở Báo cáo số 1924/BC-SNV ngày 24/5/2024 của Sở Nội vụ về kết quả Chỉ số cải cách hành chính tinh (PAR INDEX) Khánh Hòa năm 2023 do Bộ Nội vụ công bố, các cơ quan được giao nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn việc triển khai các nhiệm vụ cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX, SIPAS khẩn trương rà soát, đánh giá lại các nội dung tiêu chí, tiêu chí thành phần do Hội đồng thẩm định đánh giá và các chỉ số đánh giá thông qua khảo sát có kết quả thấp hơn trung bình chung cả nước hoặc giảm điểm, giảm bậc so với năm 2022. Trên cơ sở đó, tham mưu giải pháp duy trì kết quả đã đạt được, khắc phục những điểm chưa đạt,

nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện trên các lĩnh vực được phân công chủ trì tham mưu, theo dõi.

Báo cáo kết quả rà soát gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ tổng hợp). Thời hạn báo cáo: trước ngày **15/6/2024**.

Đồng thời, tổng hợp, báo cáo, xác định rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị không thực hiện, làm ảnh hưởng đến kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của tỉnh và các năm tiếp theo.

h) Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu đối với việc thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 13/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền trong việc triển khai thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị.

i) Đề nghị các cơ quan tham mưu Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, các cơ quan báo chí tăng cường hỗ trợ, phối hợp chính quyền thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách, pháp luật, phổ biến chủ trương CCHC của Trung ương, địa phương, góp phần tạo đồng thuận xã hội và được Nhân dân chia sẻ, đồng hành cải cách hành chính cùng chính quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đề các sở, ngành, đơn vị, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức biết và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý những vấn đề còn vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện.

(Đính kèm Báo cáo số 1924/BC-SNV ngày 24/5/2024 của Sở Nội vụ)

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (VBĐT);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (VBĐT);
- VPTU, các Ban Đảng, các Ban HĐND (VBĐT);
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh (VBĐT);
- Đài PT-TH Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa (VBĐT);
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT CCHC tỉnh (VBĐT);
- LĐ.VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, SNV, DL,...b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tân Tuấn